

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: /SGDĐT-TCCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

V/v rà soát công tác bổ nhiệm CDNN
và xếp lương giáo viên mầm non, phổ
thông, giáo dục thường xuyên

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở.

Thực hiện Công văn số 3141/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 29/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát công tác bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương giáo viên mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và Phiếu chuyển số 3551/PC-VP ngày 29/5/2026 của Văn phòng UBND thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) yêu cầu UBND các xã, phường, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở báo cáo thống kê số liệu về thực trạng công tác bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên theo mẫu tại các phụ lục gửi kèm Công văn này. Ngoài nội dung trên, UBND các xã, phường báo cáo các khó khăn, vướng mắc địa phương chưa giải quyết được ở thời điểm hiện tại để hoàn thành việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương theo các quy định tại Thông tư số 01,02,03,04/2021/TT-BGDĐT¹, Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT¹ và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

Các địa phương, đơn vị gửi báo cáo về Sở GDĐT (bằng văn bản trên Hệ thống thông tin Chính quyền điện tử thành phố, đồng thời gửi file mềm các phụ lục về địa chỉ thư điện tử locld@danang.gov.vn) chậm nhất là ngày **07/6/2026** để Sở GDĐT tổng hợp, tham mưu UBND thành phố báo cáo Bộ GDĐT đúng thời gian quy định.

Sở GDĐT đề nghị UBND các xã, phường, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở triển khai thực hiện. Thông tin chi tiết xin liên hệ ông Lê Đức Lộc, Chuyên viên chính Phòng Tổ chức cán bộ (Số điện thoại: 0982362310) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TCCB_{Lộc}.

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Bích Thuận

¹ Thông tư số 01,02,03,04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

CÁC PHỤ LỤC BÁO CÁO THỐNG KÊ*(Kèm theo Công văn số**/SGDDĐT-TCCB ngày tháng 6 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)***Phụ lục 1.1****Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo hạng chức danh nghề nghiệp và tương đương
đối với cơ sở giáo dục mầm non****Địa phương/Đơn vị:.....**

STT	Chức danh	Mã số, mã ngạch	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo viên mầm non hạng I và tương đương	Tổng		
1.1		Mã số V.07.02.24		
1.2		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
2	Giáo viên mầm non hạng II và tương đương	Tổng		
2.1		Mã số V.07.02.25		
2.2		Mã số V.07.02.04		
2.3		Mã số 15a.205		
2.4		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
3	Giáo viên mầm non hạng III và tương đương	Tổng		
3.1		Mã số V.07.02.26		
3.2		Mã số V.07.02.05		
3.3		Mã số 15a.206		
3.4		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
4	Giáo viên mầm non hạng IV và tương đương	Tổng		
4.1		Mã số V.07.02.06		
4.2		Mã số 15.115		
4.3		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này

Phụ lục 1.2

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo hạng chức danh nghề nghiệp và tương đương đối với cơ sở giáo dục tiểu học (bao gồm cả trường phổ thông bán trú cấp tiểu học)

Địa phương/Đơn vị:.....

STT	Chức danh	Mã số, mã ngạch	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo viên tiểu học hạng I và tương đương	Tổng		
1.1		Mã số V.07.03.27		
1.2		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
2	Giáo viên tiểu học hạng II và tương đương	Tổng		
2.1		Mã số V.07.03.28		
2.2		Mã số V.07.03.07		
2.3		Mã số 15a.203		
2.4		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
3	Giáo viên tiểu học hạng III và tương đương	Tổng		
3.1		Mã số V.07.03.29		
3.2		Mã số V.07.03.08		
3.3		Mã số 15a.204		
3.4		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
4	Giáo viên tiểu học hạng IV và tương đương	Tổng		
4.1		Mã số V.07.03.09		
4.2		Mã số 15.114		
4.3		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này

Phụ lục 1.3

**Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo hạng chức danh nghề nghiệp và tương đương
đối với cơ sở giáo dục trung học cơ sở**
(bao gồm cả trường liên cấp tiểu học, trung học cơ sở; trường bán trú; trường nội trú)

Địa phương/Đơn vị:.....

STT	Chức danh	Mã số, mã ngạch	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo viên trung học cơ sở hạng I và tương đương	Tổng		
1.1		Mã số V.07.04.30		
1.2		Mã số V.07.04.10		
1.3		Mã số 15.112		
1.4		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
2	Giáo viên trung học cơ sở hạng II và tương đương	Tổng		
2.1		Mã số V.07.04.31		
2.2		Mã số V.07.04.11		
2.3		Mã số 15a.201		
2.4		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
3	Giáo viên trung học cơ sở hạng III và tương đương	Tổng		
3.1		Mã số V.07.04.32		
3.2		Mã số V.07.04.12		
3.3		Mã số 15a.202		
3.4		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này

Phụ lục 1.4

**Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo hạng chức danh nghề nghiệp và tương đương
đối với cơ sở giáo dục trung học phổ thông**

(bao gồm cả trường liên cấp có cấp trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông nội trú)

Địa phương/Đơn vị:.....

STT	Chức danh	Mã số, mã ngạch	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo viên trung học phổ thông hạng I và tương đương	Tổng		
1.1		Mã số V.07.05.13		
1.2		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
2	Giáo viên trung học phổ thông hạng II và tương đương	Tổng		
2.1		Mã số V.07.05.14		
2.2		Mã số 15.112		
2.3		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
3	Giáo viên trung học phổ thông hạng III và tương đương	Tổng		
3.1		Mã số V.07.05.15		
3.2		Mã số 15.113		
3.3		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này

Phụ lục 2

Số lượng giáo viên thuộc đối tượng bổ nhiệm lại theo quy định tại khoản 12 Điều 5 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT
(Không bao gồm các trường hợp được bổ nhiệm hạng cao khi tuyển dụng, tiếp nhận theo chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng, chính sách tuyển dụng đặc cách theo quy định của pháp luật hoặc chính sách đặc thù của địa phương, cơ sở giáo dục tại thời điểm tuyển dụng, tiếp nhận)

Địa phương/Đơn vị:.....

Cấp học	Tổng số giáo viên thuộc đối tượng bổ nhiệm lại theo quy định tại khoản 12 Điều 5 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT	Số giáo viên đã thực hiện việc bổ nhiệm lại		Số giáo viên chưa thực hiện việc bổ nhiệm lại
		Số giáo viên bổ nhiệm lại được giữ hoặc tăng hệ số lương (thời điểm bổ nhiệm lại CDNN)	Số giáo viên bổ nhiệm lại giảm hệ số lương (thời điểm bổ nhiệm lại CDNN)	
Cơ sở giáo dục mầm non				
Cơ sở giáo dục tiểu học				
Cơ sở giáo dục trung học cơ sở				
Cơ sở giáo dục trung học phổ thông				
Cơ sở giáo dục thường xuyên				
Tổng cộng				

Khoản 12 Điều 5 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT: “Kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2015 đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp giáo viên mầm non, phổ thông được bổ nhiệm vào hạng cao hơn sau khi hết thời gian tập sự hoặc sau khi đạt trình độ đào tạo cao hơn trình độ quy định nhưng chưa đáp ứng các tiêu chuẩn khác cũng như chưa trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng do cấp có thẩm quyền tổ chức thì phải thực hiện bổ nhiệm lại vào đúng hạng theo quy định (bao gồm cả trường hợp tuyển dụng trước ngày 03 tháng 11 năm 2015 và hoàn thành thời gian tập sự theo quy định sau ngày 03 tháng 11 năm 2015)”

Phụ lục 3

Số giáo viên đủ điều kiện bổ nhiệm hạng tương ứng theo quy định tại Thông tư số 01,02,03,04/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT nhưng do hết chỉ tiêu hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của địa phương nên đã được bổ nhiệm xuống hạng thấp hơn liền kề
(không bao gồm trường hợp bổ nhiệm lại nêu tại Phụ lục 2)

Cấp học	Tổng cộng	Bổ nhiệm từ hạng I xuống hạng II	Bổ nhiệm từ hạng II xuống hạng III
Cơ sở giáo dục mầm non			
Cơ sở giáo dục tiểu học			
Cơ sở giáo dục trung học cơ sở			
Cơ sở giáo dục trung học phổ thông			
Cơ sở giáo dục thường xuyên			
Tổng cộng			